

Hà Nội, ngày 31 tháng 08 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

- Căn cứ Quyết định số 7586/QĐ-BCT ngày 25 tháng 08 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Căn cứ Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 02 tháng 07 năm 2012;

- Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2013.

- Theo đề nghị của các Ông (Bà) Trưởng các Phòng, Khoa của trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này “**Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ**” tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Điều 2: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và là cơ sở để tổ chức quá trình đào tạo, thi, kiểm tra, xét tốt nghiệp cho các khóa đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Điều 3: Các Ông (Bà) Trưởng các đơn vị có liên quan, giảng viên và sinh viên trong toàn trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhân:

- Nh- điều 3;
- L-u VP-ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long

QUY CHẾ

Đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

*Ban hành kèm theo Quyết định số 408/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 31 tháng 08 năm 2015
của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, bao gồm: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.
2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên các khoá đào tạo hệ chính quy ở trình độ đại học và cao đẳng tại trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp thực hiện theo hình thức tích lũy tín chỉ.

Điều 2. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần

1. Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) cần thể hiện rõ: trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình.
2. Mỗi chương trình gắn với một ngành (kiểu đơn ngành) hoặc với một vài ngành (kiểu song ngành, kiểu ngành chính - ngành phụ, kiểu 2 văn bằng) và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.
3. Đề cương chi tiết của từng học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.
4. Trên cơ sở quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường ban hành chương trình thực hiện cho từng ngành, từng trình độ đào tạo.

Điều 3. Học phần, Tín chỉ và Học phí tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học

phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần phải được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định.

2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình;

c) Hoạt động học tập giảng dạy của mỗi học phần bao gồm một hay kết hợp một số trong các hình thức sau:

- Giảng dạy lý thuyết kết hợp hướng dẫn thảo luận, thực hành môn học, thí nghiệm, bài tập ... (gọi tắt là thảo luận).

- Hướng dẫn thực tập, thực tập tốt nghiệp;

- Hướng dẫn đồ án, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp ...

Mỗi học phần đều có đề cương chi tiết thể hiện các nội dung: giới thiệu tóm tắt học phần, các học phần tiên quyết, học phần song hành, học phần học trước, cách đánh giá học phần, nội dung chính các chương mục, các giáo trình, tài liệu tham khảo... Đề cương chi tiết được Hiệu trưởng phê duyệt, công bố cùng chương trình và được giáo viên giới thiệu cho sinh viên trong buổi học đầu tiên của học phần.

d) Một số khái niệm khác về học phần:

- Học phần tương đương và học phần thay thế

○ Học phần tương đương là một hay một nhóm học phần thuộc chương trình đào tạo của một khóa, ngành khác đang tổ chức đào tạo tại trường được phép tích lũy để thay cho một học phần hay một nhóm học phần trong chương trình của ngành đào tạo.

○ Học phần thay thế được sử dụng khi một học phần có trong chương trình đào tạo nhưng nay không còn tổ chức giảng dạy nữa và được thay thế bằng một học phần khác đang còn tổ chức giảng dạy.

Các học phần hay nhóm học phần tương đương hoặc thay thế do Khoa quản lý chuyên môn đề xuất và là các phần bổ sung cho chương trình đào tạo trong quá trình thực hiện. Học phần tương đương hoặc thay thế được áp dụng cho tất cả các khóa, các ngành hoặc chỉ được áp dụng hạn chế cho một số khóa, ngành.

- Học phần tiên quyết: Học phần A là học phần tiên quyết của học phần B, khi sinh viên muốn đăng ký học học phần B thì phải đăng ký học và thi đạt học phần A.

- Học phần học trước: Học phần A là học phần học trước của học phần B, khi sinh viên muốn đăng ký học học phần B thì phải đăng ký và học xong học phần A.

- Học phần song hành: Các học phần song hành với học phần A là những học phần mà sinh viên phải theo học trước hoặc học đồng thời với học phần A.

- Học phần đặc biệt: Các học phần đặc biệt là các học phần không tính tín chỉ nhưng sinh viên phải học và được cấp chứng chỉ mới đủ điều kiện tốt nghiệp bao gồm: học phần giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất.

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thảo luận; 45 giờ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, đề án hoặc khoá luận tốt nghiệp.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, thảo luận để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

Hiệu trưởng quy định cụ thể số tiết, số giờ đối với từng học phần trong chương trình đào tạo.

4. Hiệu trưởng ban hành chế độ công tác giảng viên, giáo viên để quy định việc tính số giờ giảng dạy của giảng viên cho các học phần trên cơ sở số giờ giảng dạy trên lớp, số giờ thực hành, thực tập, số giờ chuẩn bị khối lượng tự học cho sinh viên, đánh giá kết quả tự học của sinh viên và số giờ tiếp xúc sinh viên ngoài giờ lên lớp.

5. Một tiết học được tính bằng 45 phút học trên lớp.

6. Học phí tín chỉ là đơn vị dùng để lượng hóa chi phí của các hoạt động giảng dạy học tập tính cho từng học phần. Học phí của học kỳ được xác định theo quy định của Hiệu trưởng ban hành theo từng năm học.

Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy, học tập và các hoạt động khác

1. Thời gian hoạt động giảng dạy, học tập và các hoạt động khác của trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp từ 7.00' đến 21.20' giờ hàng ngày và có thể bố trí cả vào thứ bảy và chủ nhật.

2. Tùy theo số lượng sinh viên, số lớp học phần cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất của Nhà trường, Phòng đào tạo sắp xếp thời khóa biểu học tập, lịch thi kết thúc học phần trong khoảng thời gian nói trên.

Điều 5. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ thông qua các tiêu chí sau:

1. Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần (cả đạt và không đạt) mà sinh viên đăng ký trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D, tính từ đầu khóa học.

4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D, mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

Chương II

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 6. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ.

a) Khóa học là khoảng thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Tùy thuộc chương trình, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp quy định tổ chức các khóa học như sau:

- Đào tạo trình độ đại học:

- Bốn năm đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương).
- Một năm rưỡi đến hai năm đối với người có bằng tốt nghiệp Cao đẳng cùng ngành đào tạo.
- Hai năm rưỡi đến ba năm đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp cùng ngành đào tạo.

- Đào tạo trình độ cao đẳng:

- Ba năm đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương).
- Một năm rưỡi đến hai năm đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp cùng ngành đào tạo.

b) Một năm học gồm ba học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 11 tuần dành cho các hoạt động giảng dạy, học tập và 3 tuần thi kết thúc học phần. Ngoài ba học kỳ chính, nhà trường có thể xem xét tổ chức học kỳ phụ vào dịp hè (5 tuần thực học và 1 tuần thi) để sinh viên có các học phần bị đánh giá không đạt học lại, sinh viên có nhu cầu cải thiện điểm ở các học kỳ chính học cải thiện điểm và sinh viên học giỏi có điều kiện học vượt nhằm kết thúc sớm chương trình đào tạo. Sinh viên đăng ký tham gia học kỳ phụ trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc.

2. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho các chương trình, Phòng đào tạo tư vấn và Hiệu trưởng quyết định dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học và học kỳ.

3. Thời gian tối đa để hoàn thành chương trình bao gồm: thời gian thiết kế cho chương trình quy định tại khoản 1 của điều này, cộng với 3 học kỳ chính đối với các khoá học dưới 3 năm; 6 học kỳ chính đối với các khoá học 4 năm.

Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

Điều 7. Đăng ký nhập học

1. Khi đăng ký nhập học tại trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, sinh viên phải nộp các giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Tất cả giấy tờ khi sinh viên nhập học phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân do phòng Công tác sinh viên của trường quản lý.

2. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, phòng Công tác sinh viên trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận người đến học là sinh viên chính thức của trường và cấp cho họ:

- a) Thẻ sinh viên;
- b) Sổ đăng ký học tập hoặc bản hướng dẫn đăng ký học tập trực tuyến trên website trường;
- c) Thông báo tên lớp danh nghĩa và Cố vấn học tập của lớp danh nghĩa.

3. Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải được hoàn thành trước ngày khai giảng khóa học. Trong vòng 15 ngày đầu của học kỳ đầu tiên hồ sơ nhập học vẫn được tiếp tục nhận nhưng sau thời gian quy định trên, sinh viên coi như bỏ học.

4. Sinh viên nhập học phải được Nhà trường cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

5. Sinh viên dự thính là sinh viên đang học ở trường đại học khác, cán bộ đang công tác tại các cơ quan, xí nghiệp, viện nghiên cứu... có nguyện vọng đăng ký học một số học phần. Để được nhập học, sinh viên dự thính phải nộp hồ sơ xin học theo mẫu của Nhà trường; có thể phải dự kiểm tra điều kiện theo quy định của Nhà trường; phải thực hiện các nhiệm vụ học tập, đóng học phí như sinh viên chính quy nhưng chỉ được cấp chứng chỉ môn học, không được hưởng các quyền lợi và chế độ của sinh viên chính quy cũng như sinh viên vừa làm vừa học của trường.

Điều 8. Sắp xếp sinh viên vào học các chương trình hoặc ngành đào tạo

1. Nhà trường xác định kết quả trúng tuyển theo từng ngành đào tạo.
2. Những thí sinh đạt yêu cầu xét tuyển được trường sắp xếp vào học ngành đào tạo đã đăng ký.

Điều 9. Tổ chức lớp học

1. Lớp danh nghĩa và Cố vấn học tập

a) Lớp danh nghĩa tổ chức theo khoá học của ngành đào tạo. Lớp danh nghĩa duy trì trong cả khoá đào tạo, có tên riêng, có lớp trưởng, hệ thống đoàn, hội sinh viên do Cố vấn học tập lớp phụ trách;

b) Cố vấn học tập đồng thời đảm nhiệm vai trò giáo viên chủ nhiệm cho sinh viên trong lớp về đào tạo như giúp đỡ sinh viên lập kế hoạch học tập trong từng học kỳ và kế hoạch cho toàn bộ khoá học. Tổ chức hoạt động của lớp sinh viên, vai trò và trách nhiệm của Cố vấn học tập được quy định trong Quy chế công tác sinh viên của trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

2. Lớp học phần

a) Lớp học phần được tổ chức theo từng học phần dựa trên kết quả đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Mỗi lớp học phần có thời khoá biểu, lịch thi, có mã số riêng. Mỗi lớp học phần có một lớp trưởng, lớp phó do Khoa phụ trách chuyên môn học phần chỉ định và chịu sự quản lý của Khoa;

b) Số sinh viên tối thiểu của mỗi lớp học phần do Hiệu trưởng quy định theo từng học kỳ tùy theo điều kiện cụ thể của Nhà trường. Nếu số lượng sinh viên đăng ký ít hơn quy định, lớp học phần sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học ở những lớp học phần khác cho đủ khối lượng kiến thức (số tín chỉ) tối thiểu đăng ký trong học kỳ.

Điều 10. Đăng ký khối lượng học tập

1. Đầu mỗi năm học, trường phải thông báo lịch trình học dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy, đề cương chi tiết, điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.

2. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên phải đăng ký trực tuyến học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó trên website trường. Có 3 hình thức đăng ký học phần sẽ học trong mỗi học kỳ: đăng ký sớm, đăng ký bình thường và đăng ký muộn.

a) Đăng ký sớm: là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 3-6 tuần;

b) Đăng ký bình thường: là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tuần;

c) Đăng ký muộn: là hình thức đăng ký được thực hiện trong 1 tuần đầu của học kỳ chính hoặc trong tuần đầu của học kỳ phụ cho những sinh viên muốn đăng ký học thêm hoặc đăng ký học đổi sang học phần khác khi không có lớp.

3. Khối lượng học tập tối thiểu và tối đa mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ chính được quy định như sau:

a) Tối thiểu 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ chính (trừ học kỳ đầu và cuối khoá học) đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường;

b) Tối thiểu 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ chính (trừ học kỳ cuối khoá học) đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu;

c) Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ.

4. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải đảm bảo điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

5. Cố vấn học tập có trách nhiệm tư vấn cho sinh viên đăng ký học tập để sinh viên có được phương án học tập tốt nhất.

Điều 11. Rút bớt học phần đã đăng ký

1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký chỉ được chấp nhận sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính; hoặc là sau 1 tuần kể từ đầu của học kỳ phụ. Ngoài thời hạn trên học phần vẫn được lưu giữ trong phần mềm Quản lý Đào tạo và nếu sinh viên không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm không đạt.

2. Điều kiện rút bớt các học phần đăng ký:

a) Sinh viên phải tự viết đơn gửi Phòng đào tạo và được Phòng đào tạo chấp thuận;

b) Phải được sự đồng ý của Cố vấn học tập;

c) Không vi phạm khoản 3 của Điều 10 của qui chế này.

Sinh viên chỉ được phép bỏ lớp đối với học phần xin rút bớt, sau khi giảng viên phụ trách nhận giấy báo của Phòng đào tạo.

Điều 12. Đăng ký học lại, học cải thiện điểm

1. Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F, F⁺ phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D.

2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F, F⁺ phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này, sinh viên được quyền đăng ký học lại hoặc học đổi sang học phần khác để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy.

Điều 13. Nghỉ ốm

Sinh viên xin nghỉ ốm trong quá trình học hoặc trong đợt thi, phải viết đơn xin phép, có xác nhận của Cố vấn học tập gửi phòng Công tác sinh viên trong vòng một tuần kể từ ngày ốm, kèm theo giấy xác nhận của trạm y tế trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, hoặc y tế địa phương, hoặc của bệnh viện.

Điều 14. Xếp hạng năm đào tạo và học lực

1. Sau mỗi năm học, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy được, Nhà trường xếp hạng năm đào tạo của sinh viên như sau:

a) Sinh viên năm thứ nhất: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy được dưới 45 tín chỉ.

- b) Sinh viên năm thứ hai: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy được từ 45 tín chỉ đến dưới 90 tín chỉ.
- c) Sinh viên năm thứ ba: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy được từ 90 tín chỉ đến dưới 135 tín chỉ.
- d) Sinh viên năm thứ tư: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy được từ 135 tín chỉ trở lên.

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

- a) Hạng bình thường: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên;
- b) Hạng yếu: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00, nhưng chưa rơi vào trường hợp bị cảnh báo hoặc buộc thôi học.

3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ đó để xếp hạng sinh viên về học lực.

Điều 15. Nghỉ học tạm thời

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học một trong các trường hợp sau:

- a) Được động viên vào các lực lượng vũ trang;
- b) Bị ốm hoặc tai nạn buộc phải điều trị trong thời gian dài nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế từ cấp huyện trở lên;
- c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 16 của Quy chế này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này.

2. Sinh viên nghỉ học tạm thời, trước khi muốn trở lại tiếp tục học tập tại trường phải viết đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

Điều 16. Cảnh báo kết quả học tập và bị buộc thôi học

1. Sau mỗi học kỳ, sinh viên sẽ bị cảnh báo kết quả học tập nếu vi phạm hai trong ba trường hợp sau:

- a) Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khoá;
- b) Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo;
- c) Tổng số tín chỉ của các học phần bị điểm F còn tồn đọng tính từ đầu khoá học đến thời điểm xét vượt quá 36 tín chỉ.

2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Bị cảnh báo kết quả học tập 2 học kỳ liên tiếp hoặc 5 lần cảnh báo kết quả học tập trong toàn khóa học;

b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này;

c) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 30 của Quy chế này hoặc bị kỷ luật ở mức xóa tên khỏi danh sách sinh viên của trường.

3. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, trường phải thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Trường hợp tại trường sinh viên đã học hoặc tại những trường khác có các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng, thì những sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 của Điều này, được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ khi học ở các chương trình mới này. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 17. Học cùng lúc hai chương trình

1. Học cùng lúc hai chương trình dành cho sinh viên có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;

b) Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất và sinh viên không thuộc diện xếp hạng học lực yếu;

c) Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 2,00 thì phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

3. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

4. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

5. Hiệu trưởng xem xét ban hành các quy định cụ thể cho việc tổ chức học cùng lúc hai chương trình.

Điều 18. Chuyển trường

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:

a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;

b) Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;

c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến;

d) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung, nhưng không trúng tuyển vào trường hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của trường xin chuyển đến;

b) Sinh viên thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến;

c) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa;

d) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Thủ tục chuyển trường:

a) Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của nhà trường;

b) Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

Chương III

KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 19. Đánh giá học phần

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, thực hành môn học, tiểu luận, thảo luận:

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được xác định bởi các loại điểm: Điểm thi kết thúc học phần và Điểm quá trình (là điểm trung bình các điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy).

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ - tính hệ số 2:

- Là điểm kiểm tra hết chương hoặc hết từng phần chính của học phần (thời gian làm bài là 1 tiết), kiểm tra phần thực hành môn học, điểm tiểu luận.
- Số lần kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Điểm kiểm tra thường xuyên - tính hệ số 1:

- Là điểm kiểm tra hỏi đáp đầu giờ hoặc trong giờ lên lớp, kiểm tra từ 15 phút trở xuống, kiểm tra nhận thức và thái độ tham gia thảo luận của sinh viên trong giờ học.
- Số lần kiểm tra thường xuyên: Khoa, tổ môn quy định số lần kiểm tra tối thiểu cho từng học phần.

- Điểm chuyên cần - có hệ số bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp và mức độ hoàn thành những nhiệm vụ do giảng viên giao, cụ thể như sau:

Theo thời gian tham gia học tập trên lớp:

- Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình được tính: 8 điểm.
- Nghỉ học dưới 20% số tiết trong chương trình được tính: 6 điểm.
- Nghỉ học từ 20% trở lên; dưới 30% số tiết trong chương trình được tính: 4 điểm.
- Nghỉ học từ 30% trở lên; dưới 50% số tiết trong chương trình được tính: 2 điểm.
- Nghỉ học từ 50% số tiết trong chương trình trở lên được tính: 0 điểm.

Theo mức độ hoàn thành những nhiệm vụ của giảng viên giao: Do giảng viên giảng dạy chủ động đánh giá, điểm số tối đa là 2 điểm.

- Số lần đánh giá điểm chuyên cần: 1 lần, vào thời điểm kết thúc học phần.

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận, thi kết thúc học phần do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong đề cương chi tiết của học phần.

2. Đối với các học phần thực hành: Điểm học phần được đánh giá bởi các điểm đánh giá bộ phận. Trong đó:

- Điểm đánh giá bộ phận là điểm đánh giá các bài thực hành trong quá trình giảng dạy, điểm này được làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Số lần đánh giá các bài thực hành: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

3. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận trừ bài thi kết thúc học phần.

Điều 20. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ dành cho những sinh viên không tham dự kỳ thi chính hoặc có học phần bị điểm F, F+ ở kỳ thi chính và được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi

chính. Phòng Đào tạo, Trung tâm khảo thí phối hợp các Khoa lập kế hoạch thi, tổ chức coi, chấm thi và báo điểm cho sinh viên.

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ. Hiệu trưởng quy định cụ thể thời gian dành cho ôn thi và thời gian thi cho các kỳ thi.

Điều 21. Quy trình tổ chức thi kết thúc học phần

1. Quy trình tổ chức thi các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, thực hành môn học, thí nghiệm, thảo luận:

a) Cập nhật điểm đánh giá bộ phận: Sau khi tổ chức kiểm tra, giảng viên phải khẩn trương cập nhật điểm đánh giá bộ phận vào phần mềm QLĐT. Khoa có trách nhiệm đơn đốc, kiểm tra, quản lý, lưu giữ trong sổ lên lớp, sổ tay giáo viên, hồ sơ tài liệu của đơn vị;

b) Báo cáo điểm quá trình học phần lý thuyết: Sau khi kết thúc việc giảng dạy học phần, giảng viên in báo cáo từ phần mềm QLĐT và gửi lại Trung tâm Khảo thí. “Báo cáo điểm quá trình học phần lý thuyết” phải có đầy đủ chữ ký của giảng viên giảng dạy, xác nhận của Khoa;

c) Tổ chức thi: Trung tâm Khảo thí in “Danh sách sinh viên dự thi” gửi Khoa để tổ chức thi kết thúc học phần. Sau khi tổ chức thi phải có đầy đủ chữ ký của sinh viên dự thi, cán bộ coi thi và các nội dung khác có liên quan. Trong trường hợp:

- Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không được phép của Nhà trường coi như đã dự thi và phải nhận điểm 0 (thang điểm 10);

- Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu được Nhà trường cho phép, sẽ được phép dự thi vào kỳ thi phụ hoặc vào các học kỳ tiếp theo và được coi là thi lần đầu.

d) Chấm thi: Trung tâm Khảo thí lập kế hoạch chấm thi, làm phách rọc phách, ghép phách; các Khoa cử giảng viên phối hợp chấm thi theo quy định;

e) Nhập điểm, báo điểm cho sinh viên: Trung tâm Khảo thí nhập điểm thi kết thúc học phần vào phần mềm QLĐT, báo điểm cho sinh viên qua website theo quy định.

2. Quy trình tổ chức đánh giá các học phần thực tập

a) Báo cáo điểm học phần: Trong quá trình giảng dạy, giảng viên có trách nhiệm cập nhật thường xuyên điểm đánh giá bộ phận vào phần mềm QLĐT. Sau khi kết thúc việc giảng dạy học phần, giảng viên nhập điểm học phần vào phần mềm QLĐT. Sau khi nhập xong, giảng viên in và nộp Báo cáo điểm học phần có đầy đủ chữ ký của giảng viên giảng dạy, xác nhận của Khoa cho Trung tâm Khảo thí;

b) Nhập điểm, báo điểm cho sinh viên: Trung tâm Khảo thí xử lý điểm học phần và báo điểm cho sinh viên qua website theo quy định.

3. Các nội dung cụ thể khác về công tác tổ chức thi kết thúc học phần được quy định trong văn bản khác do Hiệu trưởng ban hành.

Điều 22. Cách xác định điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

1. Điểm đánh giá bộ phận, điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần, điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần được xác định như sau:

a) Đối với học phần lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, thực hành môn học, thí nghiệm, thảo luận: Điểm học phần được tính bằng 40% điểm quá trình cộng với 60% điểm thi kết thúc học phần;

b) Đối với học phần thực hành, thực tập: Điểm học phần là điểm trung bình của các điểm đánh giá bộ phận.

3. Điểm học phần được chuyển thành điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:	A (8,5 - 10)	Giỏi
	B ⁺ (7,8 - 8,4)	Khá Giỏi
	B (7,0 - 7,7)	Khá
	C ⁺ (6,3 - 6,9)	Trung bình Khá
	C (5,5 - 6,2)	Trung bình
	D ⁺ (4,8 - 5,4)	Trung bình yếu
	D (4,0 - 4,7)	Yếu
b) Loại không đạt:	F ⁺ (3,0 - 3,9)	Kém
	F (0,0 - 2,9)	Rất Kém

c) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I	Chưa đủ dữ liệu đánh giá.
X	Chưa nhận được kết quả thi.

d) Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

4. Việc xếp loại các mức điểm A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D, F⁺, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

5. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 3 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

6. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được Nhà trường cho phép;

b) Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được Trường Khoa chấp thuận.

Trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

7. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà Trung tâm khảo thí của trường chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ Khoa chuyển lên.

8. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt;

b) Những học phần được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

Điều 23. Tính điểm trung bình chung

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:

A	tương ứng với	4,0
B ⁺	tương ứng với	3,5
B	tương ứng với	3,0
C ⁺	tương ứng với	2,5
C	tương ứng với	2,0
D ⁺	tương ứng với	1,5
D	tương ứng với	1,0
F ⁺	tương ứng với	0,5
F	tương ứng với	0,0

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức (*) và làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

a) Công thức (*)

$$A = \frac{\sum_{i=1}^N a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^N n_i} \quad (*)$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung tích lũy hoặc điểm trung bình chung các học phần tính từ đầu khóa học

a_i là điểm học phần thứ i có kết quả cao nhất trong các lần học;

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i ;

N là số học phần tính điểm trung bình chung.

b) Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để xét thôi học, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

Chương IV

XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP.

Điều 24. Thực tập cuối khoá, làm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp

1. Đầu học kỳ cuối khoá, sinh viên được đăng ký làm đồ án, luận văn tốt nghiệp hoặc học thêm một số học phần chuyên môn theo quy định sau:

a) Làm đồ án, luận văn tốt nghiệp: Áp dụng cho các sinh viên đại học khoá học 4 năm đạt mức quy định của Trường. Đồ án, luận văn tốt nghiệp là học phần có khối lượng 12 tín chỉ;

b) Học và thi một số học phần chuyên môn: Những sinh viên không được giao làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn, nếu chưa tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình.

2. Điều kiện, hình thức và thời gian làm đồ án hoặc luận văn tốt nghiệp

a) Nhà trường sẽ có quy định cụ thể trong các văn bản khác về điều kiện để sinh viên được đăng ký làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp cho từng đối tượng, từng ngành đào tạo;

b) Hình thức làm đồ án hoặc luận văn tốt nghiệp do Trưởng Khoa đề nghị, Hiệu trưởng quyết định. Thời gian làm đồ án hoặc luận văn tốt nghiệp là 9-12 tuần;

c. Hình thức chấm đồ án, khoá luận tốt nghiệp do Trưởng Khoa đề nghị, Hiệu trưởng quyết định;

d) Nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn; trách nhiệm của bộ môn và khoa đối với sinh viên trong thời gian làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp được quy định trong văn bản khác do Hiệu trưởng ban hành.

Điều 25. Đánh giá đồ án, khoá luận tốt nghiệp

1. Việc đánh giá mỗi đồ án, khoá luận tốt nghiệp được quy định trong văn bản khác do Hiệu trưởng ban hành.

2. Điểm của đồ án, khoá luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm theo quy định tại Điều 22 của Quy chế này. Kết quả chấm đồ án, khoá luận tốt nghiệp được công bố chậm nhất là 1 tuần, kể từ ngày nộp đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

Điểm đồ án, khoá luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học.

3. Sinh viên có đồ án, khoá luận tốt nghiệp bị điểm F⁺, F, phải đăng ký làm lại đồ án, khoá luận tốt nghiệp; hoặc phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

Điều 26. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định tại Điều 2 của Quy chế này;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có các chứng chỉ ngoại ngữ, tin học, thực hành nghề theo quy định của Nhà trường với từng đối tượng và thời điểm;

đ) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng - an ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và hoàn thành học phần giáo dục thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục - thể thao;

e) Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

2. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 của Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền làm chủ tịch, Trưởng Phòng đào tạo làm thư ký và có các thành viên là các Trưởng Khoa chuyên môn, Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Trưởng phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng, Giám đốc Trung tâm Khảo thí, Bí thư Đoàn Thanh niên, Chủ tịch Hội sinh viên.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 27. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo

1. Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng được cấp theo ngành đào tạo chính (đơn ngành hoặc song ngành). Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học, như sau:

a) Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;

b) Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;

c) Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;

d) Loại trung bình khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,20 đến 2,49;

e) Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,19.

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu bị rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có khối lượng của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b) Đã bị kỷ luật trong thời gian học từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần, điểm chung bình chung toàn khoá và xếp loại tốt nghiệp. Trong bảng điểm còn phải ghi chuyên ngành (hướng chuyên sâu) hoặc ngành phụ (nếu có).

4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định ở khoản 1 Điều 26 của Quy chế này đối với một số chương trình tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau theo các ngành đào tạo đó.

5. Những sinh viên còn nợ chứng chỉ giáo dục quốc phòng, chứng chỉ giáo dục thể chất nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học và đạt trong chương trình của trường. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển sang chương trình khác quy định tại khoản 3 Điều 16 của Quy chế này.

Chương V

XỬ LÝ VI PHẠM & ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên, cán bộ vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị đồ án, khoá luận nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm.

2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 1 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 của Điều này, tùy mức độ sai phạm mà khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên và cán bộ coi thi vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

Điều 29. Điều khoản thi hành

Quy chế này được áp dụng cho các khoá đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Việc điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của Quy chế do Hiệu trưởng quyết định.

KT. HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long